

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHOÁ XXI
Về nâng cao giá trị chè Shan tuyết cổ thụ huyện Hoàng Su Phì
giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

I-ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Cây chè Shan tuyết cổ thụ là cây trồng lâu đời ở các xã thuộc phía Nam, đông Nam huyện Hoàng Su Phì. Những năm gần đây nhờ có chính sách khuyến khích phát triển sản xuất chè của tỉnh, diện tích, năng suất, chất lượng chè của huyện hàng năm tăng lên rõ rệt. Tổng diện tích chè toàn huyện đến năm 2020 đạt 4.652,8 ha, diện tích cho thu hoạch 3.589,7 ha, sản lượng chè búp tươi đạt hơn 14.000 tấn/năm. Các xã nằm trong vùng quy hoạch phát triển chè của huyện đã được đưa vào cây mũi nhọn phát triển hàng hóa có diện tích chè tập trung lớn như: Xã Thông Nguyên với 655,9 ha, xã Hồ Thầu với 507 ha, xã Nậm Khòa với 700 ha, xã Nậm Ty với 557 ha, xã Nậm Dịch với 220 ha, xã Tả Sử Choóng 188,4 ha, xã Túng Sán 269 ha, xã Bản Luốc 255,7 ha, xã Nam Sơn 630,5 ha. Diện tích còn lại nằm rải rác tại các xã trong huyện. Diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ là 2.048 ha. Cơ cấu giống chè hiện nay chủ yếu là giống Shan tuyết lá to, Shan tuyết lá nhỏ.

Giá trị sản phẩm chè búp tươi tăng từ 8.000 đồng/kg năm 2016 lên bình quân 15.000 đồng/kg năm 2020. Giá các sản phẩm chè khô từ 120.000 đồng/kg năm 2016 lên từ 200.000 đến hàng triệu đồng/kg năm 2020. Các sản phẩm sản xuất đa dạng hơn như chè xanh xao xuất, chè vàng, hồng trà, bạch trà, bột trà xanh so với các năm 2015 về trước (chỉ có chè xanh và chè vàng). Chính điều này đã làm giá trị của sản phẩm chè được nâng lên, góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân và doanh thu cho các hợp tác xã, cơ sở chế biến chè trên địa bàn. Trong những năm qua huyện đã lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, dự án chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP), chương trình mỗi xã một sản phẩm đặc trưng (OCOP) để hỗ trợ việc trồng, chế biến, đổi mới công nghệ, quảng bá, xây dựng thương hiệu, mẫu mã sản phẩm chè, giá trị sản xuất đến năm 2020 đạt 42,568 tỷ đồng, thu nhập từ chè đạt trên 58 triệu đồng/ha (*Theo số liệu thống kê ước tính đến năm 2020*).

2. Những khó khăn, tồn tại

- Các diện tích đất trồng chè chủ yếu ở các khu vực núi cao, giao thông đi lại khó khăn nên việc vận chuyển chè búp tươi hạn chế, dẫn đến việc tăng chi phí vận chuyển, năng suất lao động thấp. Đây cũng là nguyên nhân các doanh nghiệp lớn ngại đầu tư cho chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè Shan chất lượng cao. Tập quán canh tác của người dân cũng là nguyên nhân làm giảm năng suất, sản lượng chè.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc còn thấp, sản phẩm làm ra chủ yếu là chè vàng, chè đen bán cho thị trường Trung Quốc nên giá thành không cao. Thời gian gần đây, việc các thương nhân Trung Quốc đẩy mạnh mua chè vàng với giá cao và yêu cầu sản phẩm hết sức đơn giản gây khó khăn rất lớn cho các Hợp tác xã sản xuất trong huyện do thiếu nguyên liệu, làm giảm uy tín thương hiệu. Về lâu dài việc thu hoạch không đúng kỹ thuật do cung cấp nguyên liệu cho chè vàng (thường hái dài, có hộ gia đình còn thu hái cả không để lại lá chờ), sẽ ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng vườn chè.

- Cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng đều đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hái, vận chuyển sản phẩm chè bán cho các tư thương gặp không ít khó khăn, tốn nhiều thời gian, dẫn đến chi phí cho sản phẩm cao, làm giảm đi lợi nhuận của các hộ dân trồng chè, ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Ngoài ra việc đầu tư cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã xây dựng cơ sở sản xuất còn thiếu đồng bộ, chưa chú trọng đến việc phát triển đa dạng các sản phẩm từ chè.

- Liên kết giữa các cơ sở, Hợp tác xã chế biến với các hộ trồng, thu mua nguyên liệu cũng chưa được chặt chẽ. Hầu như các đơn vị chế biến chưa có hợp đồng thu mua chè búp tươi hoặc bán cổ phần Hợp tác xã chế biến cho các hộ trồng chè.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát huy và khai thác có hiệu quả các nguồn lực của địa phương, phát triển bền vững và ổn định, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên tự nhiên, dựa trên cơ sở khai thác lợi thế về tài nguyên đất đai, khí hậu để phát triển sản xuất chè đặc sản, có chất lượng hàng hóa tập trung. Đưa cây chè thực sự là cây hàng hoá chủ lực, cây làm giàu trong phát triển kinh tế của huyện, phát triển mạnh ở cả ba khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

- Áp dụng quy trình canh tác và đầu tư chăm sóc theo chiều sâu, duy trì và mở rộng vùng nguyên liệu tập trung có chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ. Tập trung ứng dụng công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất, biến chè theo hướng sản xuất sản phẩm an toàn, chất lượng.

- Đầu tư cơ sở chế biến quy mô vừa và nhỏ, đảm bảo đồng bộ và hiện đại; áp dụng công nghệ vào chế biến chè để tạo ra sản phẩm đa dạng có chất lượng cao, phát triển thương hiệu chè Shan tuyết cổ thụ huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, ưu tiên phát triển giao thông, điện và hạ tầng cơ sở khác phục vụ phát triển cây chè...để nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân.

- Thu hút và tạo cơ chế để các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển cây chè. Thúc đẩy việc liên doanh, liên kết trong phát triển chè, hình thành vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến công nghiệp và xuất khẩu, gắn kết vùng nguyên liệu với cơ sở, nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ. Từng bước hình thành làng nghề sản xuất chè gắn với du lịch.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, duy trì diện tích chè toàn huyện đạt 4.652,8 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch đạt 4.000 ha, sản lượng chè búp tươi toàn huyện đạt 15.000 nghìn tấn/năm, sản lượng chè khô đạt 3.000 tấn/năm, xuất khẩu chè 1.050 tấn/năm, giá trị xuất khẩu 50,4 tỷ đồng; Tổng doanh thu đạt 225,615 tỷ đồng. Nộp ngân sách trên 2,5 tỷ đồng.

- Đến năm 2030 diện tích chè toàn huyện ổn định 5.000 ha, sản lượng 16.000 tấn/năm, sản lượng chè khô đạt 3.200 tấn/năm, xuất khẩu chè 1.216 tấn/năm, giá trị xuất khẩu 72,96 tỷ đồng; Tổng doanh thu đạt 256 tỷ đồng. Nộp ngân sách trên 3,6 tỷ đồng.

- 100% các cơ sở, hợp tác xã chế biến chè trên địa bàn huyện sử dụng nhãn hiệu chứng nhận chè Hoàng Su Phì, chỉ dẫn địa lý “Hà Giang” cho sản phẩm chè Shan tuyết trong nhãn mác sản phẩm của đơn vị mình sản xuất.

- Bảo tồn và phát triển cây Chè rừng, Chè Shan tuyết cổ thụ, tiếp tục đề nghị chứng nhận bổ sung cây chè di sản Việt Nam.

- Từng bước nâng cao chất lượng, tăng về giá trị và sức cạnh tranh các sản phẩm chè trên thị trường; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về tư duy, sản xuất hàng hóa gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

III- NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh áp dụng những mô hình và cách làm hiệu quả trong cải tạo, chăm sóc cây chè theo tiêu chuẩn hữu cơ. Duy trì diện tích chè chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ là 2.048 ha (các doanh nghiệp, hợp tác xã); Chứng nhận mới 1.000 ha sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ (ngân sách tỉnh hỗ trợ), nâng tổng số diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ đến năm 2025 là 3.048 ha. Trong đó chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Quốc tế là 300ha (các doanh nghiệp, hợp tác xã) phục vụ xuất khẩu.

- Thu hút ít nhất 02 doanh nghiệp đầu tư chế biến chè, ứng dụng công nghệ mới, đưa dây truyền máy móc hiện đại vào sản xuất đa dạng các sản

phẩm chè (Hồng trà, Bạch trà, trà Phổ Nhĩ, bột trà shan...) đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã mới đầu tư máy móc, công nghệ, thiết bị hiện đại đồng bộ để nâng cao chất lượng giá trị sản xuất chè gắn với các sản phẩm OCOP đạt từ 4 sao trở lên.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tích cực tìm kiếm thị trường, ký kết các hợp đồng bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm ổn định lâu dài.

- Xây dựng thử nghiệm mô hình phát triển chè gắn với du lịch theo hình thức "*Vườn chè Shan tuyết nhà tôi*" và "*Cây chè Shan tuyết nhà tôi*", thu hút khách du lịch quan tâm mô hình, hình thành du lịch trải nghiệm thăm quan cây chè Shan tuyết cổ thụ.

- Hằng năm, nhân rộng mô hình cải tạo vườn chè già cỗi, trồng dặm bổ sung khoảng 60 ha chè. Đến năm 2025 diện tích trồng dặm, trồng bổ sung đạt 300 ha; đến năm 2030 trồng mới, trồng dặm bổ sung khảng 500 ha.

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Giải pháp về chỉ đạo

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, điều hành của Chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ phát triển cây chè, trên cơ sở quán triệt triển khai Nghị quyết đến các chi bộ, nhân dân để tổ chức thực hiện.

- Hệ thống chính trị huyện tích cực, chủ động hơn trong chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết; Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá sơ kết, tổng kết trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về lợi ích, giá trị kinh tế của cây chè.

2.2. Giải pháp về đất đai, quy hoạch vùng

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch vùng nguyên liệu đã được phê duyệt cho các hợp tác xã, cơ sở chế biến và đề xuất xây dựng mới các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành quản lý gắn với chiến lược, nhiệm vụ phát triển cây chè; Tăng cường công tác quản lý, giám sát và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch vùng nguyên liệu.

- Khuyến khích nhân dân tổ chức trồng dặm những diện tích cây chè già cỗi, mất khoảng, không chuyển đổi diện tích trồng chè sang mục đích khác. Đồng thời tổ chức quản lý, giám sát việc sử dụng đất đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện thuê đất, liên doanh, liên kết, xây dựng nhà xưởng chế biến, kho bảo quản, tiêu thụ sản phẩm chè.

2.3. Về tổ chức sản xuất

- Khuyến khích, hỗ trợ (nếu có) cho các cơ sở, hợp tác xã chế biến chè có công suất trên 5 tấn/ngày trở lên đổi mới thiết bị công nghệ theo hướng dùng nhiên liệu điện, ga, diezen... thay thế chất đốt truyền thống nhằm bảo vệ

môi trường và sản xuất đa dạng sản phẩm chè. Thành lập các Công ty cổ phần chế biến chè có sự tham gia của người sản xuất nguyên liệu nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

- Tăng cường vai trò của đội ngũ khuyến nông cơ sở trong việc hướng dẫn quy trình cải tạo vườn chè già cỗi đảm bảo đủ diện tích, mật độ và đặc biệt đảm bảo việc chăm sóc cây chè cổ thụ tại các vùng được chứng nhận cây di sản.

2.4. Về thị trường

- Hỗ trợ nâng cao năng lực thị trường cho người sản xuất thông qua công tác khuyến nông, đặc biệt quan tâm đến việc cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về thị trường và nâng cao năng lực thị trường cho nhân dân.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại thông qua các hội chợ triển lãm, hội chợ thương mại, các khu du lịch, tổ chức các đêm hội thưởng thức trà, hội chợ sản phẩm OCOP... trong và ngoài tỉnh.

- Phát huy thế mạnh của Hội chè trong việc thống nhất chung về giá thành thu mua và xuất bán sản phẩm chè trên địa bàn để tránh việc cạnh tranh không lành mạnh, tranh mua, tranh bán ảnh hưởng đến giá trị sản phẩm chè.

- Tăng cường sự liên doanh, liên kết giữa các Hợp tác xã trong và ngoài tỉnh tiến tới thị trường xuất khẩu. Phối hợp Hiệp hội chè Việt Nam, các dự án phi chính phủ, các kênh phân phối xuất khẩu chè để đưa sản phẩm quảng bá tại các hội chợ khu vực trên thế giới như: khu vực Châu Âu, Đông Nam Á....

2.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Liên kết với các Trung tâm, Viện nghiên cứu tổ chức đào tạo nghề, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cho hộ nông dân để nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chè. Trong đó chú trọng đào tạo nông dân điển hình có khả năng tiếp thu, đầu tư ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào việc chăm sóc, đốn tỉa chè để cho năng suất cao, có khả năng truyền đạt kinh nghiệm sản xuất cho các hộ nông dân khác trong vùng.

- Tăng cường năng lực cho mạng lưới khuyến nông từ huyện đến các xã, thị trấn, các thôn bản nhằm làm tốt chức năng tuyên truyền, khuyến khích giữa nông dân với nông dân học tập lẫn nhau, đồng thời tổng kết các mô hình mẫu, nhân rộng ra ở từng thôn, xã.

- Đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ quản lý, công nhân kỹ thuật của các hợp tác xã, cơ sở chế biến chè trong công tác quản lý, điều hành, tiếp cận thị trường và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

2.6. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình giảm nghèo; Nguồn kinh phí theo Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chương trình OCOP, vốn tín dụng và chính sách của Trung ương, của tỉnh về sản xuất nông nghiệp phù hợp với thực tế ở địa phương để thực hiện hỗ trợ phát triển nâng cao giá trị ngành chè. Đối tượng hỗ trợ là các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh chè trên địa bàn huyện.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Nghị quyết. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả, hàng năm sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Huyện ủy kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Tạo tinh thần và sự đồng thuận, đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân để Nghị quyết được triển khai hiệu quả.

3. Giao Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của các chi, đảng bộ.

4. Giao Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo quán triệt và tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến các chi bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện để thực hiện.

Nơi nhân:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí thành viên đoàn công tác theo Quyết định số 198 của BTV Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND - UBND huyện,
- Các đồng chí Ủy viên BTV Huyện ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**



Vũ Mạnh Hà